

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng uỷ cơ sở đặc khu

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc mẫu của đảng uỷ cơ sở đặc khu.

Điều 2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế làm việc mẫu này để chỉ đạo, hướng dẫn đảng uỷ cơ sở đặc khu xây dựng quy chế làm việc phù hợp với tình hình thực tiễn.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ



Trần Cẩm Tú



QUY CHẾ**làm việc mẫu của đảng uỷ cơ sở đặc khu***(Kèm theo Quyết định số 303-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư)*

**ĐẢNG BỘ TỈNH, THÀNH PHỐ ...
ĐẢNG ỦY ĐẶC KHU ...**

*

Số.....-QC/ĐU**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM***Hà Nội, ngày..... tháng... năm 20...***QUY CHẾ LÀM VIỆC****của ban chấp hành đảng bộ cơ sở đặc khu ..., khoá..., nhiệm kỳ...**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số-QĐ/TW, ngày .../.../2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở đặc khu;
- Căn cứ Quyết định số-QĐ/TW, ngày .../.../... của Ban Bí thư về việc ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng uỷ cơ sở đảng đặc khu;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ cấp tỉnh khoá..., nhiệm kỳ và các quy định, hướng dẫn của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh có liên quan;

Ban chấp hành đảng bộ đặc khu ..., khoá ..., nhiệm kỳ ... ban hành Quy chế làm việc như sau:

Chương I**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TẬP THỂ****Điều 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng uỷ**

Đảng uỷ là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ giữa hai kỳ đại hội, có trách nhiệm quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của cấp uỷ cấp trên và nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình; lãnh đạo, thực hiện các nhiệm vụ của đảng bộ (*cụ thể hoá theo các điều về nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở trong quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng uỷ đặc khu và các quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ cơ sở cho phù hợp*).

Đối với đảng bộ cơ sở mà đảng uỷ được giao quyền cấp trên cơ sở, Đảng uỷ cụ thể hoá các nội dung theo Quy định thi hành Điều lệ Đảng cho phù hợp.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ Đảng uỷ

1. Thay mặt Đảng uỷ chỉ đạo, giải quyết những công việc thường xuyên của Đảng uỷ, những vấn đề đột xuất phát sinh giữa hai kỳ họp Đảng uỷ. Thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của cấp trên, theo quy chế làm việc và nhiệm vụ được Đảng uỷ uỷ quyền và chịu trách nhiệm trước Đảng uỷ về các nhiệm vụ đó.

2. Quyết định chương trình làm việc của Ban Thường vụ Đảng uỷ; tham mưu Đảng uỷ thảo luận, thống nhất phân công công tác đối với Đảng uỷ viên, Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ.

3. Triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Đảng uỷ, báo cáo tình hình và đề xuất chủ trương chỉ đạo tiếp theo.

4. Thay mặt Đảng uỷ lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và cấp uỷ cấp trên; đại hội của các chi bộ trực thuộc; chỉ đạo đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Đảng uỷ

Thường trực Đảng uỷ, gồm: Bí thư, các Phó Bí thư Đảng uỷ, có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Giúp Ban Thường vụ Đảng uỷ chỉ đạo việc xây dựng chương trình làm việc định kỳ, toàn khóa và quy chế làm việc của Đảng uỷ.

2. Thay mặt Ban Thường vụ Đảng uỷ giải quyết công việc hằng ngày của Đảng uỷ; chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ và của cấp trên; quản lý tài chính của Đảng bộ.

3. Chỉ đạo phối hợp hoạt động giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quán triệt, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng uỷ và của cấp uỷ cấp trên.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁ NHÂN**Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng uỷ viên**

1. Tham gia lãnh đạo tập thể của Đảng uỷ, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Đảng uỷ về lĩnh vực được phân công phụ trách và nhiệm vụ được giao.

2. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu; nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Giữ gìn sự thống nhất ý chí, hành động và đoàn kết trong Đảng. Nói đi đôi với làm, không nói trái, làm trái nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của cấp uỷ cấp trên và của đảng uỷ; kiên quyết đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

3. Gương mẫu thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các quy định của cấp uỷ cấp trên và của đảng uỷ về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp; đề cao trách nhiệm cá nhân, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thường xuyên tự soi mình với các biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" và đề ra giải pháp khắc phục. Tích cực góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh ở cơ quan, đơn vị mình sinh hoạt, công tác.

Có lối sống gương mẫu, trong sạch, lành mạnh; xây dựng gia đình văn hoá; không để người thân lợi dụng làm những việc trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, cơ quan, đơn vị. Giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân.

4. Chấp hành nghiêm sự phân công, điều động của Đảng uỷ hoặc cơ quan có thẩm quyền. Tham gia vào các nhóm chuyên đề theo quyết định của Đảng uỷ và Ban Thường vụ Đảng uỷ, có trách nhiệm tham gia xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh ở địa phương, đơn vị mình sinh hoạt hoặc được phân công phụ trách.

5. Có trách nhiệm cùng Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ kiểm tra, giám sát và chỉ đạo việc thi hành nghị quyết của Đảng uỷ về lĩnh vực công tác được phân công.

6. Tham gia đầy đủ các kỳ họp của Đảng uỷ, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đảng uỷ; được bảo lưu ý kiến nhưng phải chấp hành nghị quyết đã thông qua. Tuyệt đối tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ

Cùng với việc thực hiện nội dung được quy định tại Điều 4, các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra, giám sát giải quyết những công việc và chịu trách nhiệm trước Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ về tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực, cơ quan được phân công phụ trách.

2. Tham gia vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể Ban Thường vụ Đảng uỷ. Chủ động đề xuất với Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách và những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

3. Có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Thường vụ Đảng uỷ để giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban Thường vụ Đảng uỷ; xây dựng và thực hiện tốt chương trình, kế hoạch công tác hằng tháng, năm, nhiệm kỳ.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bí thư Đảng uỷ

Cùng với việc thực hiện nội dung được quy định tại Điều 4, Điều 5, Bí thư Đảng uỷ còn có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Là người đứng đầu Đảng uỷ, chịu trách nhiệm cao nhất trước Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ và Thường trực Đảng uỷ; cùng Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ và Thường trực Đảng uỷ chịu trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên trực tiếp, trước Đảng bộ mình và Nhân dân ở địa phương.

2. Phụ trách chung, chủ trì các công việc của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ và Thường trực Đảng uỷ. Chủ động đề xuất những nội dung để Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ và Thường trực Đảng uỷ bàn bạc quyết định, chỉ đạo tổ chức thực hiện, bảo đảm mọi hoạt động thực hiện đúng quy chế làm việc, đúng nguyên tắc của Đảng.

3. Chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ; trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát, công tác tổ chức cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ.

4. Chỉ đạo đồng chí Phó Bí thư Đảng uỷ giải quyết công việc hằng ngày. Duyệt, ký các văn bản của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ theo thẩm quyền. Uỷ quyền cho đồng chí Phó Bí thư, Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ, Đảng uỷ viên theo dõi, giải quyết những công việc cần thiết, đột xuất trong phạm vi công tác của Đảng bộ. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ và cấp uỷ cấp trên phân công.

5. Chủ trì và kết luận các cuộc họp, hội nghị của Đảng bộ, Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ (bao gồm cả hội nghị nội bộ và hội nghị mở rộng).

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ giao.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Bí thư Đảng uỷ

Cùng với việc thực hiện nội dung được quy định tại Điều 4, Điều 5, Phó Bí thư Đảng uỷ có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ, Thường trực Đảng uỷ và đồng chí Bí thư Đảng uỷ về lĩnh vực công tác được phân công; chỉ đạo chuẩn bị và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ, Thường trực Đảng uỷ; tổ chức chỉ đạo việc thực hiện quy chế làm việc; chỉ đạo chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ và hội nghị của Đảng bộ.

2. Điều hành và giải quyết công việc hằng ngày của Đảng uỷ theo phân công của Thường trực Đảng uỷ; ký các văn bản của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ, Thường trực Đảng uỷ theo thẩm quyền và khi được Bí thư Đảng uỷ uỷ quyền.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ, Thường trực Đảng uỷ và đồng chí Bí thư Đảng uỷ phân công (*các nhiệm vụ khác do cấp uỷ cụ thể hoá cho phù hợp*).

Trường hợp có nhiều phó bí thư thì xác định trách nhiệm, quyền hạn riêng cho từng đồng chí và ghi rõ lĩnh vực công tác được phân công.

Chương III NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 8. Nguyên tắc làm việc

1. Chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của cấp uỷ cấp trên; báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của Đảng uỷ trước đại hội Đảng bộ và cấp uỷ cấp trên. Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ, Thường trực Đảng uỷ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số; các nghị quyết, quyết định, kết luận phải đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của tập thể nếu có ý kiến khác nhau thì phải biểu quyết và quyết định theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, ý kiến thiểu số được bảo lưu và có thể phản ánh lên cấp trên, nhưng không được tuyên truyền, phổ biến ra bên ngoài, đồng thời chấp hành nghị quyết.

2. Thực hiện tự phê bình và phê bình; luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, gương mẫu thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; gắn bó mật thiết với quần chúng, Nhân dân; trung thực, thẳng thắn, cầu thị với tinh thần đồng chí; phát huy tính chủ động, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là đồng chí Bí thư Đảng uỷ.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; chống tư tưởng bè phái, cục bộ, lợi ích nhóm, chủ nghĩa cá nhân, bảo thủ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ.

Điều 9. Thực hiện chương trình công tác

1. Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ làm việc theo chương trình công tác toàn khoá và hằng năm (có thể điều chỉnh khi cần thiết). Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ họp thường lệ mỗi tháng một lần (có thể ấn định ngày, thời gian họp cụ thể) và họp đột xuất khi cần thiết. Thường trực Đảng uỷ làm việc theo chương trình công tác hằng tuần, hằng tháng; họp thường lệ mỗi tuần 1 lần và họp đột xuất khi cần thiết.

2. Nội dung, chương trình hội nghị Đảng uỷ do Thường trực Đảng uỷ hoặc Ban Thường vụ Đảng uỷ chuẩn bị. Điều hành hội nghị Đảng uỷ là tập thể thường trực Đảng uỷ, do đồng chí Bí thư Đảng uỷ chủ trì. Các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Đảng uỷ phải có trên 1/2 tổng số Đảng uỷ viên biểu quyết tán thành mới có hiệu lực (trừ những nội dung theo quy định phải được ít nhất 2/3 tổng số Đảng uỷ viên biểu quyết nhất trí như nghị quyết, quyết định về kỷ luật, kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xoá tên đảng viên...).

3. Khi giải quyết những nhiệm vụ được Đảng uỷ uỷ quyền, Ban Thường vụ Đảng uỷ phải bàn tập thể và quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của tất cả các đồng chí uỷ viên; những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì báo cáo Đảng uỷ xem xét, quyết định. Những nội dung, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Đảng uỷ thì Ban Thường vụ Đảng uỷ phải bàn và thống nhất trước khi trình; trường hợp thảo luận mà chưa thống nhất thì báo cáo Đảng uỷ và trình bày rõ các ý kiến khác nhau để Đảng uỷ xem xét, quyết định.

4. Các hội nghị Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ phải được ghi biên bản; ghi chép đầy đủ, thể hiện rõ ý kiến của từng thành viên và được quản lý theo quy định. Các quyết định của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ phải được thể hiện bằng văn bản theo quy định và gửi đến các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện.

Điều 10. Chế độ thông tin, báo cáo, học tập và bảo mật

1. Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ phải thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Các đồng chí Đảng uỷ viên được cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tình hình công tác của địa phương, cơ quan, đơn vị theo quy định của Trung ương và của ngành, lĩnh vực; phải báo cáo tình hình và kết quả các mặt công tác được phân công phụ trách với Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ.

3. Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ tạo điều kiện thuận lợi để các đồng chí Đảng uỷ viên và cán bộ, đảng viên được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Các đồng chí Đảng uỷ viên phải thường xuyên tự học tập, trau dồi về phẩm chất đạo đức cách mạng, nâng cao năng lực công tác, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Đồng chí Bí thư Đảng uỷ là người phát ngôn chính thức trước báo chí về nhiệm vụ của Đảng bộ, các đồng chí khác chỉ thực hiện khi được sự uỷ quyền và có ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Đảng uỷ và thực hiện nghiêm chế độ bảo mật, kỷ luật phát ngôn theo quy định của Đảng, Nhà nước.

5. Đối với đảng bộ thực hiện sinh hoạt đảng trực tuyến, cần bảo đảm nội dung, cách thức sinh hoạt đảng theo Hướng dẫn của Ban Bí thư và các quy định có liên quan.

Điều 11. Chế độ ban hành, quản lý văn bản

1. Văn bản của Đảng uỷ được triển khai thực hiện tới các chi bộ, cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Các đồng chí Đảng uỷ viên, Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ, Thường trực Đảng uỷ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Các văn bản của Đảng uỷ phải bảo đảm đúng thể thức theo quy định của Đảng, ký ban hành đúng thẩm quyền và được phát hành, quản lý, lưu trữ theo quy định hiện hành.

Điều 12. Chế độ tự phê bình, phê bình và chất vấn

1. Hằng năm và cuối nhiệm kỳ, Đảng uỷ và từng Đảng uỷ viên phải tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân theo quy định gắn với kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ. Đảng uỷ gợi ý kiểm điểm đối với các chi uỷ, chi bộ, đảng viên khi cần thiết.

2. Các đồng chí Đảng uỷ viên phải gương mẫu tham gia sinh hoạt đảng, thường xuyên tự phê bình và phê bình theo quy định và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên.

3. Trong các hội nghị Đảng uỷ cần dành thời gian thích hợp để các đồng chí Đảng uỷ viên thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn theo quy định.

Điều 13. Chế độ công tác cơ sở, tiếp xúc với cán bộ, đảng viên và Nhân dân

1. Định kỳ, Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ phân công Đảng uỷ viên phụ trách, dự sinh hoạt với chi bộ trực thuộc; làm việc với một số chi uỷ, bí thư chi bộ trực thuộc Đảng uỷ (khi cần thiết) để nắm tình hình và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

2. Các đồng chí Thường trực Đảng uỷ chủ động xây dựng kế hoạch làm việc với cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan ở địa phương, cơ quan, đơn vị và tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với cán bộ, đảng viên, quần chúng.

3. Các đồng chí Đảng uỷ viên phải chủ động xây dựng kế hoạch, sâu sát cơ sở, nắm chắc tình hình ở các đơn vị, lĩnh vực được phân công phụ trách; gặp gỡ, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đề xuất, kiến nghị của cán bộ, đảng viên, quần chúng; phản ánh về Đảng uỷ những vấn đề mới phát sinh để Đảng uỷ có biện pháp giải quyết kịp thời hoặc báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Chế độ tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp trên và của Đảng uỷ

1. Căn cứ quy định và yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ ban hành chương trình, kế hoạch và chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp trên và của Đảng uỷ; báo cáo với cấp trên và thông báo cho các chi uỷ, chi bộ trực thuộc theo quy định.

2. Ban Thường vụ Đảng uỷ hoặc Thường trực Đảng uỷ xây dựng báo cáo và chuẩn bị nội dung sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp trên và của Đảng uỷ.

Điều 15. Chế độ kiểm tra, giám sát

1. Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng uỷ và cấp uỷ cấp trên trên địa bàn, lĩnh vực được phân công phụ trách; phân công đồng chí Phó Bí thư Đảng uỷ hoặc Đảng uỷ viên có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp hoạt động công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ.

2. Đảng uỷ xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, hằng năm.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 16. Với cấp uỷ cấp tỉnh

Điều 17. Với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, các cấp uỷ, tổ chức đảng, đơn vị trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác ở cấp tỉnh

Điều 18. Với Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp

Điều 19. Với các chi uỷ, chi bộ trực thuộc

Điều 20. Mối quan hệ công tác khác (nếu có)

Cụ thể hoá theo các điều về mối quan hệ công tác trong quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng uỷ cơ sở đặc khu và các quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ cơ sở cho phù hợp.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ, Bí thư, Phó Bí thư, Đảng uỷ viên và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Căn cứ Quy chế này, các chi uỷ, chi bộ trực thuộc Đảng uỷ xây dựng quy chế làm việc phù hợp. Đảng uỷ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết).

3. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận: (Cụ thể cho phù hợp)

- Thường trực đảng uỷ cấp trên trực tiếp (để báo cáo),
- Các ban xây dựng Đảng, văn phòng, uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cấp trên trực tiếp,
- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;
 Chủ tịch HĐND; Chủ tịch UBND,
- Các đồng chí đảng uỷ viên,
- Các chi bộ trực thuộc đảng uỷ,
- HĐND, UBND, các tổ chức chính trị - xã hội,
- Lưu ĐU.

T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ

